

Số: **33** /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày **17** tháng **9** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNM ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội tại Văn bản số 37/2026/CV-HIP ngày 28/5/2026, số 01/2026/GT-HIP ngày 08/9/2026 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Khu công nghiệp Nam Thăng Long – Khu các xí nghiệp công nghiệp – Giai đoạn 1” (gọi tắt là Cơ sở) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính: KCN Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: “KCN Nam Thăng Long - Khu các xí nghiệp công nghiệp - Giai đoạn 1” tại KCN Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, TP Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “KCN Nam Thăng Long - Khu các xí nghiệp công nghiệp - Giai đoạn 1”.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Nam Thăng Long, phường Thượng Cát, TP Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp: 0100230536, đăng ký lần đầu ngày 22/9/1997, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/6/2022, nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0100230536.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư (phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Nhóm ngành khí hoá lỏng	G4671-G46714
2	Nhóm ngành công nghiệp cơ khí lắp ráp, sản phẩm công nghệ cao;	C25999
3	Nhóm ngành in ấn	C18; C181; C1811-18110; C1812-18120
4	Nhóm ngành công nghiệp nhẹ, cơ khí chế tạo và chế biến thực phẩm	C259; C2591-C25910; C2592-C25920; C1073-C10730
5	Nhóm ngành công nghiệp khác ít ô nhiễm môi trường	

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng mức đầu tư: 61.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi một tỷ đồng).

- Diện tích đất sử dụng: 303.326m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB180989 thực hiện giai đoạn 1)

- Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 800 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt và sản xuất → Bể thu gom → Bể tiếp nhận → Bể điều hoà → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hệ thống thoát nước chung phường Thượng Cát.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Cơ sở thuộc dự án nhóm I (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND phường Thượng Cát và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND phường Thượng Cát
- TTPVHCC (Chi nhánh 1) (để trả kết quả);
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: HTĐT, QLDN;
- Công ty cổ phần phát triển hạ tầng hiệp hội công thương Hà Nội;
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Đinh Trần Quân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày... .. tháng... .. năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải của Khu điều hành KCN (gồm nước sinh hoạt CBCNV; nước thải rửa bồn lọc áp lực của HTXL nước ngầm; nước thải rửa bồn lọc áp lực của HTXLNT tập trung KCN)

+ Nguồn số 02: Nước thải sau xử lý sơ bộ (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) của các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN Nam Thăng Long bao gồm các loại hình ngành nghề đã được phê duyệt theo quy hoạch

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thuộc phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý trước khi chảy xuống hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước phường Thượng Cát.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2 332 330; Y= 579 082 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 800 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức và tự chảy dẫn vào mương hở kích thước LxBxH=1200x800x350mm có lắp đặt hệ thống camera trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung phường Thượng Cát, TP Hà Nội.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h).

2.6. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Cột A; C_{max}=C), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến 31/12/2031 (QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột A)		
1	Lưu lượng đầu vào	m ³ /ngày đêm	-	Không thuộc đối tượng	Thuộc đối tượng
2	Lưu lượng xả thải	m ³ /ngày đêm	800		
3	Nhiệt độ	°C	40		
4	pH	-	6-9		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
6	COD	mg/l	75		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
9	Tổng nitơ	mg/l	20		
10	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4		
11	Màu	Pt/Co	50		
12	Mangan	mg/l	0,5		
13	Sắt	mg/l	1		
14	Đồng	mg/l	2		
15	Cadimi	mg/l	0,05		
16	Asen	mg/l	0,05		
17	Niken	mg/l	0,2		
18	Thủy ngân	mg/l	0,005		
19	Chì	mg/l	0,1		
20	Kẽm	mg/l	3		
21	Crom (VI)	mg/l	0,05		
22	Crom (III)	mg/l	0,2		
23	Sunfua	mg/l	0,2		
24	Florua	mg/l	5		
25	Clorua	mg/l	500		
26	Clo dư	mg/l	1		
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5		

28	Tổng Xianua	mg/l	0,07		
29	Tổng Phenol	mg/l	0,1		
30	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3.000		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,05	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3		
33	Tổng PCB	mg/l	0,003		
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp hoặc Quy chuẩn địa phương (nếu có).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung:

Hệ thống thu gom, nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đi theo tuyến cống chính dọc theo trục đường trung tâm để đưa về Trạm xử lý nước thải cụ thể như sau:

* Mạng lưới thu gom nước thải nguồn 1:

+ Nước thải sinh hoạt nhà điều hành sau bể phốt → Hồ ga đầu nối (Hệ thống hồ ga BTCT 1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải GT30 (Hệ thống cống BTCT D500) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sục rửa bồn lọc áp lực của HTXL nước ngầm → Hồ ga đầu nối GT24 (Hệ thống hồ ga BTCT 1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải GT30 (Hệ thống cống BTCT D500) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

+ Nước thải sục rửa bồn lọc áp lực của Trạm XLNT tập trung KCN → Hồ ga đầu nối GN28 → Trục thu gom nước thải (Hệ thống cống BTCT D500) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

* Mạng lưới thu gom nước thải nguồn 2:

- Khu vực phía Tây:

+ Hướng 1: Nước thải từ nguồn phát sinh → Hồ ga đầu nối (Hệ thống hồ ga BTCT

1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải hướng Đông Bắc KCN GT1→GT18→GT29 (Hệ thống cống BTCT D400) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

+ Hướng 2: Nước thải từ nguồn phát sinh → Hồ ga đầu nối (Hệ thống hồ ga BTCT 1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải hướng Đông Nam KCN GT45→GT48*→ GT12* (Hệ thống cống BTCT D500) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

Nước thải từ nguồn phát sinh → Hồ ga đầu nối (Hệ thống hồ ga BTCT 1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải hướng Đông Bắc KCN GT12→GT18→GT 29 (Hệ thống cống BTCT D400) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

- Khu vực phía Đông Nam → Đông Bắc: Nước thải từ nguồn phát sinh → Hồ ga đầu nối (Hệ thống hồ ga BTCT 1200x1200x1200) → Trục thu gom nước thải hướng Đông Bắc KCN GT23→GT29 (Hệ thống cống BTCT D400) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

- Khu vực phía Đông Bắc: nước thải từ trục GT29→GT30→GT31 (Hệ thống cống BTCT D500) → Trạm xử lý nước thải phía Đông Bắc công suất 800 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Trạm xử lý nước thải phía Bắc công suất 800 m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt và sản xuất → Bể thu gom (V=22,5m³) → Bể tiếp nhận (V=50m³) → Bể điều hoà (V=200m³) → Cụm Bể keo tụ (V=4,95m³) –Tạo bông (V=4,95m³) → Bể lắng hoá lý (V=13,5m³) → Bể thiếu khí (V=138,75m³) → Bể hiếu khí (V=220,8m³) → Bể lắng sinh học (V=202m³) → Bể trung gian (V=33,33m³) → Hệ lọc áp lực → Bể khử trùng (V=16,8m³) → Mương quan trắc → Hệ thống thoát nước chung phường Thượng Cát.

- Công suất thiết kế: 800 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC 31%; Polyme anion; Cồn Methanol; Javen 10%; Soda 99%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí: Kênh hở, trước khi xả ra môi trường.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH₄⁺.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 02 bộ (tại vị trí bên trong nhà trạm và bên ngoài nhà trạm tại vị trí cửa xả của Trạm xử lý nước thải).

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội theo quy định trước khi vận hành thử nghiệm.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Ban hành tiêu chuẩn đầu nối nước thải trong khu công nghiệp, buộc các doanh nghiệp thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
			Đến 31/12/2031 (QCTĐHN 02:2014/BTNMT cột B)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5-9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
4	COD	mg/l	150
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
9	Màu	pt/Co	150
10	Mangan	mg/l	1
11	Sắt	mg/l	5
12	Đồng	mg/l	2
13	Cadimi	mg/l	0,1
14	Asen	mg/l	0,1
15	Niken	mg/l	0,5
16	Thủy ngân	mg/l	0,01
17	Chì	mg/l	0,5
18	Kẽm	mg/l	3
19	Crom (VI)	mg/l	0,1
20	Crom (III)	mg/l	1
21	Sunfua	mg/l	0,5

thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt.

3.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi:

- Không xâm phạm, chiếm dụng đất hành lang bảo vệ của kênh mương thủy lợi. Khi tiến hành các hoạt động xả thải phải bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; cung cấp đầy đủ, trung thực các dữ liệu, thông tin về các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.7. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và khoản 3,4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

3.8. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp Hà Nội trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

22	Florua	mg/l	10
23	Clorua	mg/l	1000
24	Clo dư	mg/l	2
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
26	Tổng Xianua	mg/l	0,1
27	Tổng Phenol	mg/l	0,5
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải sẽ được cập nhập lại nhằm đáp ứng với Trạm xử lý nước thải xử lý đạt quy chuẩn xả thải tương ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp hoặc Quy chuẩn địa phương (nếu có).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong vòng 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 800 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí đầu vào tại bể tiếp nhận của Trạm xử lý nước thải.

- 01 vị trí đầu ra tại mương quan trắc trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung phường Thượng Cát.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của Thông số:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của KCN (trừ nước thải của các cơ sở đã được miễn trừ đầu nối), bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý của KCN. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của KCN phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý của KCN phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày... .. tháng... .. năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ các máy thổi khí, máy bơm, quạt hút và các thiết bị được lắp đặt tại Nhà máy xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2 332 476; Y = 579 226.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2 332 231; Y = 579 073

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰00, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

3.2. Độ rung:

Độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (từ 06 giờ đến trước 22 giờ)	Đêm (từ 22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMТ-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	220
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	75
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	100
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp;	12 06 05	300
6	Bùn thải từ xử lý nước ngầm	12 09 03	350
7	Hộp mực in thải	08 02 04	100
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	100
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	120
Tổng			1.415

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Rác thải sinh hoạt, CTR Công nghiệp thông thường phát sinh trung bình 420 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện thu gom, phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý như đối với chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại kho bố trí 06 thùng bằng nhựa có nắp đậy kín, dung tích thùng chứa từ 50 lít-250 lít, các thùng chứa được dán nhãn, mã CTNH theo quy định.

Riêng đối với bùn thải từ các Trạm xử lý nước thải, nước cấp sẽ được bố trí lưu giữ như sau: Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải tập trung được bơm lên sân phơi bùn để khô sau đó đóng

bao đưa về kho CTNH hoặc có thể lưu tại bể định kỳ thuê đơn vị chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: 01 kho lưu chứa nằm trong khu vực Trạm xử lý nước thải phía Bắc.
- Diện tích kho: 6m².
- Xây dựng bằng gạch, trát xi măng cát, có mái che bằng tôn, có biển cảnh báo và mã chất thải nguy hại được dán tại cửa ra vào của kho lưu giữ, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Tần suất thu gom: 06 tháng/lần hoặc tùy thuộc khối lượng CTNH phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu vực văn phòng: Bố trí các thùng chứa riêng biệt bằng nhựa composite dung tích 100 lít/thùng cuối mỗi ngày làm việc sẽ được thu gom vận chuyển bằng xe thu gom dung tích 500 lít về khu vực lưu giữ CTRSH.
- Trên tuyến đường nội bộ KCN: hàng ngày sẽ được thu gom vận chuyển bằng xe thu gom dung tích 500 lít về khu tập kết.
- Rác sinh hoạt tại các doanh nghiệp thứ cấp: hàng ngày sẽ được thu gom vận chuyển bằng xe thu gom dung tích 500 lít về khu tập kết.

2.2.2. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của Trạm xử lý nước thải; thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của Trạm xử lý nước thải; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4. Khi xảy ra sự cố, tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày..... tháng..... năm 2026
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Hiện nay, chủ cơ sở đã hoàn thành đồng bộ hạ tầng khu công nghiệp Nam Thăng Long giai đoạn 1 (bao gồm hệ thống cấp nước, thu gom thoát nước mưa, thu gom nước thải, hệ thống XLNT công suất 800 m³/ngày.đêm, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, cây xanh,...) với diện tích 30,3326 ha và thu hút đầu tư với tỷ lệ lấp đầy 100% (bao gồm 33 doanh nghiệp trực tiếp thuê đất với chủ đầu tư hạ tầng, trong đó 31 doanh nghiệp đang hoạt động và 02 doanh nghiệp chưa hoạt động). Ngoài ra, chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống giám sát tự động đã truyền tín hiệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN đang hoạt động ổn định, xử lý toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp đạt giới hạn cho phép theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung phường Thượng Cát.

Vì vậy, trong tương lai KCN Nam Thăng Long không còn hạng mục công trình nào được tiếp tục đầu tư theo báo cáo ĐTM được phê duyệt do đã được UBND thành phố Hà Nội, thống nhất về chủ trương chuyển đổi chức năng KCN Nam Thăng Long phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2512/QĐ-TTg ngày 13/5/2026.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác sử dụng tài nguyên nước, nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định; thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo các quy định hiện hành./.